TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG

**KHOA: Kế toán - Kiểm toán**

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN LẦN 1**

**Học kỳ 3, năm học 2021 - 2022**

Mã học phần: DAC0021

Tên học phần: Kế toán tài chính 1

Mã nhóm lớp học phần: 213\_ DAC0021\_01

Thời gian làm bài (phút/ngày): 75 phút

Hình thức thi: **Trắc nghiệm kết hợp tự luận**

**Cách thức nộp bài phần tự luận:** Sinh viên gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi.

**Câu 01: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**PHẦN TRẮC NGHIỆM (6 CÂU x 0,5 ĐIỂM/CÂU = 3 ĐIỂM)**

**Câu 1-a**:

Nghiệp vụ nào sau đây KHÔNG phản ánh vào bên Nợ TK 111?

**A**. Kiểm kê quỹ tiền mặt phát hiện thiếu chưa rõ nguyên nhân

**B.** Thu nợ khách hàng bằng tiền mặt

**C**. Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ tiền mặt

**D**. Kiểm quỹ tiền mặt phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân

ANSWER: A

**Câu 1-b:**

Nghiệp vụ nào sau đây KHÔNG phản ánh vào bên Có TK 111?

**A**. Kiểm quỹ tiền mặt phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân

**B.** Kiểm kê quỹ tiền mặt phát hiện thiếu chưa rõ nguyên nhân

**C**. Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên đi công tác

**D**. Xuất quỹ tiền mặt nộp vào tài khoản ngân hàng

ANSWER: A

**Câu 02: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 2-a:**

Đơn vị A tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, trong kỳ chuyển khoản thanh toán tiền điện dùng cho phân xưởng sản xuất, giá bao gồm thuế là 13.200.000 đồng thuế suất thuế GTGT 10, kế toán ghi

**A**. Nợ TK 627: 12.000.000, Nợ TK 133: 1.200.000/Có TK 112: 13.200.000

**B.** Nợ TK 627: 13.200.000/Có TK 112: 13.200.000

**C**. Nợ TK 627: 13.200.000, Nợ TK 133: 1.320.000/Có TK 112: 14.520.000

**D.** Nợ TK 627: 14.520.000/Có TK 112: 14.520.000

ANSWER: A

**Câu 2-b:**

Đơn vị A tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, trong kỳ chuyển khoản thanh toán tiền điện dùng cho cửa hàng, giá bao gồm thuế là 1.320.000 đồng thuế suất thuế GTGT 10, kế toán ghi

**A**. Nợ TK 641: 1.320.000/Có TK 112: 1.320.000

**B.** Nợ TK 641: 1.200.000, Nợ TK 133: 120.000/Có TK 112: 1.320.000

**C**. Nợ TK 642: 1.320.000/Có TK 112: 1.320.000

**D**. Nợ TK 642: 1.200.000, Nợ TK 133: 120.000/Có TK 112: 1.320.000

ANSWER: A

**Câu 03: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 3-a:**

Tại công ty sản xuất may mặc quản lý kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong kỳ mua nhập kho vải trị giá 25.000.000 đồng chưa thanh toán, kế toán ghi

**A.** Nợ TK 152: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**B.** Nợ TK 1561: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**C.** Nợ TK 611: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**D.** Nợ TK 621: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

ANSWER: A

**Câu 3-b:**

Tại công ty sản xuất may mặc quản lý kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ, trong kỳ mua nhập kho vải trị giá 25.000.000 đồng chưa thanh toán, kế toán ghi

**A.** Nợ TK 611: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**B.** Nợ TK 1561: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**C.** Nợ TK 152: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

**D.** Nợ TK 621: 25.000.000/Có TK 331: 25.000.000

ANSWER: A

**Câu 04: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 4-a:**

Trường hợp nào sau đây ghi nhận vào bên Nợ TK 211?

**A.** Công ty xuất kho 1 laptop có giá xuất kho là 30.000.000 đồng đưa vào sử dụng tại phòng kinh doanh.

**B.** Nhận giữ hộ một xe tải của đối tác công ty có nguyên giá 300.000.000 đồng

**C.** Công ty mua nhập kho 10 laptop với đơn giá 30.000.000 đồng/1 laptop, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

**D.** Công ty mua một phần mềm quản lý sản xuất trị giá 30.000.000 đồng đưa vào sử dụng.

ANSWER: A

**Câu 4-b:**

Trường hợp nào sau đây ghi nhận vào bên Nợ TK 213?

**A.** Công ty mua một phần mềm quản lý sản xuất trị giá 30.000.000 đồng đưa vào sử dụng.

**B.** Nhận giữ hộ một xe tải của đối tác công ty có nguyên giá 300.000.000 đồng

**C.** Công ty mua nhập kho 10 laptop với đơn giá 30.000.000 đồng/1 laptop, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

**D.** Công ty xuất kho 1 laptop có giá xuất kho là 30.000.000 đồng đưa vào sử dụng tại phòng kinh doanh.

ANSWER: A

**Câu 05: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 5-a:**

Trường hợp nào sau đây được hạch toán vào bên Nợ TK 334?

**A.** Thu hồi tiền tạm ứng đi công tác còn thừa bằng cách trừ lương người lao động

**B.** Phải trả lương cho người lao động

**C.** Phải trả thưởng cho người lao động

**D.** Phải trả cho người lao động các khoản trợ cấp theo chế độ bảo hiểm xã hội

ANSWER: A

**Câu 5-b:**

Trường hợp nào sau đây KHÔNG được hạch toán vào bên Có TK 334?

**A.** Thanh toán tiền lương, thưởng cho người lao động bằng tiền gửi ngân hàng.

**B.** Phải trả lương cho người lao động

**C.** Phải trả thưởng cho người lao động

**D.** Phải trả cho người lao động các khoản trợ cấp theo chế độ bảo hiểm xã hội

ANSWER: A

**Câu 06: *Random 1 trong 2 câu dưới đây***

**Câu 6-a:**

Trường hợp nào sau đây KHÔNG ghi nhận vào bên Có TK 411:

**A.** Công ty huy động vốn bằng việc phát hành trái phiếu

**B.** Công ty huy động vốn bằng việc phát hành cổ phiếu

**C.** Công ty nhận vốn góp kinh doanh bằng hàng hoá nhập kho

**D.** Cổ đông bổ sung vốn kinh doanh bằng tiền gửi ngân hàng

ANSWER: A

**Câu 6-b:**

Trường hợp nào sau đây ghi nhận vào bên Nợ TK 411:

**A.** Công ty chuyển khoản hoàn lại vốn góp cho cổ đông

**B.** Công ty huy động vốn bằng việc phát hành cổ phiếu

**C.** Công ty nhận vốn góp kinh doanh bằng hàng hoá nhập kho

**D.** Cổ đông bổ sung vốn kinh doanh bằng tiền gửi ngân hàng

ANSWER: A

 **PHẦN TỰ LUẬN (7 ĐIỂM)**

**Câu 1: (7,0 điểm)**

**Đáp án: (7 ĐIỂM)**

*Công ty An Tâm chuyên mua bán phẩm Y, áp dụng kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế; hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên; tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp FIFO; áp dụng kỳ kế toán năm. Trong kỳ công ty có các số liệu liên quan hoạt động kinh doanh được kế toán ghi nhận trong các tài liệu sau đây:*

Tài liệu 1 - Số dư của một số tài khoản tại ngày 31/1/N, như sau:

* TK 131\_T (Dư Nợ): 90.000.000đ
* TK 2293\_T: 27.000.000đ
* TK 1561\_Y: 80.000.000đ (Chi tiết 100 đơn vị sản phẩm Y)
* TK 1562: 4.000.000đ
* Các tài khoản khác có số dư hợp lý.

Tài liệu 2 - Trong tháng 01/N, có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

**1. Ngày 02,** công ty phải nộp lệ phí Môn bài năm N là 2.000.000đ. Công ty chi tiền mặt nộp vào Kho bạc nhà nước 2.000.000đ tiền lệ phí Môn bài. **(1,0 điểm)**

**+ Phải nộp lệ phí môn bài (0,5 điểm)**

Nợ TK 642 2.000.000

 Có TK 33382 2.000.000

**+ Chi tiền mặt nộp thuế (0,5 điểm)**

Nợ TK 33382 2.000.000

 Có TK 111 2.000.000

**2. Ngày 05**, nhận giấy báo Có 90.000.000đ từ ngân hàng về việc khách hàng T thanh toán nợ cho công ty. Kế toán xử lý số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho khách hàng T **(1,0 điểm)**

+ **Nhận chuyển khoản thu nợ khách hàng (0,5 điểm)**

Nợ TK 112 90.000.000

 Có TK 131 90.000.000

+ **Xử lý số dự phòng khó đòi đã trích lập cho khách hàng T (0,5 điểm)**

Nợ TK 2293\_T 27.000.000

 Có TK 642 27.000.000

**3. Ngày 04,** công ty mua 100 sản phẩm Y với đơn giá mua chưa thuế là 850.000đ/sp, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán cho bên bán K. Biết 30 sản phẩm mua về nhập kho, còn lại bán ngay cho khách hàng 70 sp với giá bán chưa thuế là 1.050.000đ/sp thuế GTGT 10% chưa thu tiền khách hàng Q. **(1,0 điểm)**

**+ CK mua sp Y: (0,5 điểm)**

Nợ TK 632 59.500.000

Nợ TK 1561Y 25.500.000

Nợ TK 1331 8.500.000

 Có TK 331\_K 93.500.000

**+ DTBH (0,5 điểm)**

Nợ 131Q 80.850.000

 Có TK 511 73.500.000

 Có TK 33311 7.350.000

**4. Ngày 09**, công ty mua 2 laptop cho phòng Marketing, có trị giá chưa gồm thuế GTGT 10% lần lượt là 30.000.000đ/máy tính Macbook và 24.000.000đ/máy tính HP, chưa thanh toán cho bên bán M. Chi phí vận chuyển hai loại máy này đã gồm thuế GTGT 10% là 231.000đ thanh toán bằng tiền mặt. Biết thời gian sử dụng ước tính cho máy tính Macbook là 36 tháng và thời gian phân bổ máy tính HP là 24 tháng **(1,0 điểm)**

**+ Mua chưa thanh toán laptop: (0,5 điểm)**

Nợ TK 2114\_Macbook 30.000.000

Nợ TK 242\_HP 24.000.000

Nợ TK 133 5.400.000

 Có TK 331\_M 59.400.000

**+ CP vận chuyển hàng mua về (0,5 điểm)**

Nợ TK 2114\_Macbook 105.000

Nợ TK 242\_HP 105.000

Nợ TK 133 21.000

 Có TK 111 231.000

**5**. **Ngày 14**, nhận được hoá đơn giảm giá cho 20 sản phẩm Y đã mua ở ngày 04 không đúng chất lượng như đã thoả thuận. Số tiền giảm giá đã bao gồm thuế GTGT 10% là 660.000đ, biết số hàng được giảm còn tồn kho. Công ty chuyển khoản thanh toán số nợ còn lại với nhà cung cấp K. **(1,0 điểm)**

+ **Được giảm giá (0,5 điểm)**

Nợ TK 331K 660.000

 Có TK 1561\_Y 600.000

 Có TK 1331 60.000

**+ Chuyển khoản thanh toán nợ người bán (0,5 điểm)**

Nợ TK 331K 92.840.000

 Có TK 112 92.840.000

**6**. **Ngày 26**, tính lương phải trả cho phòng Marketing là 25.000.000đ, phòng kinh doanh là 30.000.000đ, phòng kế toán và hành chính nhân sự là 35.000.000đ. Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ theo tỷ lệ 23,5% doanh nghiệp, 10,5% người lao động chịu **(1,0 điểm)**

+ **Tính lương (0,5 điểm)**

Nợ TK 641 55.000.000

Nợ TK 642 35.000.0000

 Có TK 334 90.000.000

+ **Trích các khoản theo lương (0,5 điểm)**

Nợ TK 641 12.925.000

Nợ TK 642 8.225.0000

Nợ TK 334 9.450.000

 Có TK 338 30.600.000

**7.** **Ngày 31**, kế toán phân bổ chi phí sử dụng laptop HP và trích khấu hao máy tính Macbook. **(1,0 điểm)**

+ **Phân bổ chi phí sử dụng HP (0,5 điểm)**

Nợ TK 641 1.000.000

 Có TK 242\_HP 1.000.000

+ **Trích khấu hao (0,5 điểm)**

Nợ TK 641 618.280

 Có TK 2141 618.280

**Yêu cầu:** Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên đây

*Ngày biên soạn: 26/06/2022*

**Giảng viên biên soạn đề thi: Tăng Trí Hùng**

*Ngày kiểm duyệt:28/06/2022*

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: Nguyễn Thị Thu Vân**

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồmfile word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (**0918.01.03.09**).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng File Hot Potatoes. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.